

**LUẬT
ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Điện ảnh.*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về hoạt động điện ảnh; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh; quản lý nhà nước về điện ảnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia hoạt động điện ảnh tại Việt Nam và ở nước ngoài.
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động điện ảnh tại Việt Nam.
- Cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điện ảnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Điện ảnh* là ngành nghệ thuật tổng hợp, áp dụng công nghệ nghe nhìn và các thủ pháp sáng tác để sản xuất phim.
- Phim* là tác phẩm điện ảnh, bao gồm các loại hình: phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình và phim kết hợp nhiều loại hình; có nội dung, được biểu hiện bằng những hình ảnh động liên tiếp hoặc hình ảnh do các thiết bị kỹ thuật, công nghệ tạo ra; có hoặc không có âm thanh và các hiệu ứng khác theo nguyên tắc của ngôn ngữ điện ảnh; được ghi trên các chất liệu hoặc bằng kỹ thuật số và phổ biến đến khán giả.

Phim không bao gồm:

- Sản phẩm ghi hình nhằm mục đích phổ biến tin tức trên dịch vụ phát thanh, truyền hình, mạng viễn thông và thông tin điện tử;
- Sản phẩm ghi hình là chương trình biểu diễn nghệ thuật; trò chơi điện tử;

c) Sản phẩm ghi hình về hoạt động của một hoặc nhiều người, mô tả các sự kiện, tình huống hoặc chương trình thực tế.

3. *Hoạt động điện ảnh* bao gồm sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim, quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh, lưu chiếu, lưu trữ phim, đào tạo nguồn nhân lực.

4. *Công nghiệp điện ảnh* là ngành kinh tế sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, sử dụng tài năng nghệ thuật, tiềm năng văn hóa kết hợp với công nghệ và kỹ năng kinh doanh để tạo ra các tác phẩm điện ảnh và dịch vụ điện ảnh.

5. *Cơ sở điện ảnh* là đơn vị do tổ chức, cá nhân thành lập, thực hiện các hoạt động điện ảnh theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Cơ sở điện ảnh bao gồm doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác tham gia vào hoạt động điện ảnh.

6. *Sản xuất phim* là quá trình tạo ra một bộ phim từ kịch bản phim đến khi hoàn thành.

7. *Phát hành phim* là việc trao đổi, mua, bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu phim.

8. *Phổ biến phim* là việc đưa phim đến người xem thông qua các hình thức chiếu phim trong hệ thống rạp chiếu phim, tại địa điểm chiếu phim công cộng, trên hệ thống truyền hình, không gian mạng và các phương tiện nghe nhìn khác.

9. *Phân loại phim* là việc thẩm định nội dung phim, xếp loại phim để phổ biến phù hợp với độ tuổi người xem hoặc không được phép phổ biến.

10. *Kịch bản phim* là hình thức thể hiện toàn bộ nội dung phim dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác trên các chất liệu hoặc phương tiện kỹ thuật khác nhau.

11. *Chủ sở hữu phim* là tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất, kỹ thuật để sản xuất phim, mua quyền sở hữu phim hoặc được tặng, cho, thừa kế quyền sở hữu phim và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

12. *Phim Việt Nam* là phim không vi phạm Điều 9 của Luật này và có hai trong ba yếu tố sau: ngôn ngữ chủ yếu trong phim là tiếng Việt, nội dung phim về Việt Nam hoặc Việt Nam là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu.

13. *Cung cấp dịch vụ sản xuất phim* là hoạt động cung cấp phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, bối cảnh, nhân lực và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất phim.

14. *Trường quay* là nơi để thực hiện cảnh quay đáp ứng điều kiện về không gian, thiết bị kỹ thuật để dựng bối cảnh phù hợp với việc sản xuất phim; bao gồm trường quay trong nhà và trường quay ngoài trời.

15. *Địa điểm chiếu phim công cộng* là nhà hát, nhà văn hóa, nhà triển lãm, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ, các cơ sở cung cấp dịch vụ lưu trú, các cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, vũ trường, cửa hàng, cửa hiệu, sân vận động, nhà thi thể thao, quảng trường, phương tiện vận tải hành khách công cộng và các phương tiện, địa điểm khác có tổ chức chiếu phim.

16. *Phim hợp tác sản xuất với nước ngoài* là phim do cơ sở điện ảnh Việt Nam ký hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất.

Điều 4. Nguyên tắc của hoạt động điện ảnh

1. Xây dựng nền điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hội nhập quốc tế và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của Nhân dân.

2. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bảo đảm tính nhân văn, thẩm mỹ và giải trí.

3. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do sáng tạo trong khuôn khổ của pháp luật, bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh.

4. Bảo đảm sự bình đẳng, cạnh tranh công bằng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh và phát triển công nghiệp điện ảnh.

5. Phát triển công nghiệp điện ảnh bảo đảm tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội đầu tư, hỗ trợ cho điện ảnh, ưu tiên các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn.

7. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh phải tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh, công nghiệp điện ảnh

1. Nhà nước có chính sách huy động các nguồn lực, thực hiện các biện pháp bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, phát triển thị trường điện ảnh, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh để xây dựng ngành công nghiệp điện ảnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Nhà nước đầu tư, hỗ trợ cho các hoạt động sau:

a) Sản xuất phim thực hiện theo kế hoạch phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà nước về đề tài lịch sử, cách mạng, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc, trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam;

b) Phát hành, phổ biến phim, cung cấp kinh phí tổ chức, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật chiếu phim phục vụ vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn; phục vụ trẻ em, lực lượng vũ trang và phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại, giáo dục khác;

c) Tổ chức Liên hoan phim Việt Nam, Liên hoan phim quốc tế Hà Nội, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề tại Việt Nam; giải thưởng và cuộc thi phim

cấp quốc gia, quốc tế; liên hoan phim, chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài;

d) Nhận chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kịch bản phim, phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao để tuyên truyền, giáo dục, nghiên cứu, lưu trữ và phục vụ nhiệm vụ chính trị; biên tập, dịch, làm phụ đề phim để phục vụ hoạt động giới thiệu đất nước, con người Việt Nam;

đ) Phát triển hoạt động lý luận, phê bình điện ảnh; tuyên truyền, giới thiệu, định hướng thẩm mỹ điện ảnh;

e) Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong hoạt động điện ảnh;

g) Xây dựng và quảng bá thương hiệu điện ảnh quốc gia.

h) Xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sản xuất, phát hành, phổ biến, lưu chiếu và lưu trữ phim của cơ quan nhà nước;

i) Xây dựng trường quay hiện đại cung cấp dịch vụ sản xuất phim gắn với hoạt động du lịch, giải trí.

k) Xây dựng hệ thống hạ tầng thống kê, cơ sở dữ liệu ngành điện ảnh.

3. Nhà nước có chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế và đất đai đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật.

4. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này và các hoạt động sau đây:

a) Sản xuất, phát hành và phổ biến phim; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật số;

b) Quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh;

c) Cung cấp các dịch vụ tài chính, tín dụng, bảo lãnh, thế chấp, quyền sở hữu trí tuệ và các sản phẩm bảo hiểm để phát triển điện ảnh;

d) Tài trợ, hiến tặng cho hoạt động điện ảnh và các quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh do các tổ chức, cá nhân thành lập.

5. Chính phủ quy định chi tiết điểm d và điểm e khoản 2 Điều này.

Điều 6. Phát triển nguồn nhân lực điện ảnh

1. Nhà nước có chính sách phát hiện, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện phát triển tài năng điện ảnh, ưu tiên hỗ trợ tài năng trẻ; đãi ngộ thích hợp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực điện ảnh.

2. Ưu tiên đầu tư, xây dựng một số cơ sở đào tạo, ngành đào tạo về điện ảnh đạt tiêu chuẩn quốc tế; hỗ trợ các cơ sở đào tạo về văn hóa, nghệ thuật đào tạo chuyên ngành hoặc liên kết đào tạo điện ảnh ở trong nước và nước ngoài.

3. Khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao công nghệ nhằm phát triển nguồn nhân lực điện ảnh phục vụ sản xuất, phát hành, phổ biến phim thông

qua triển khai các chương trình, dự án của Nhà nước và hợp tác với nước ngoài; kết hợp đào tạo nguồn nhân lực điện ảnh với nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Điều 7. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh

Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội, có trách nhiệm sau đây:

1. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên theo quy định của pháp luật.
2. Tham gia xây dựng, phổ biến, giáo dục việc thực hiện chính sách, pháp luật về điện ảnh.
3. Tham gia xúc tiến, quảng bá, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về điện ảnh; xây dựng môi trường hoạt động nghề nghiệp và kinh doanh lành mạnh cho hội viên; huy động các nguồn lực xã hội để triển khai hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật.
4. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; vận động hội viên, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh thực hiện đúng quy định của pháp luật.
5. Phát hiện và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về điện ảnh.

Điều 8. Hợp tác đầu tư nước ngoài trong hoạt động điện ảnh

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được quyền hợp tác đầu tư với cơ sở điện ảnh của Việt Nam để sản xuất, phát hành, phổ biến phim theo quy định của pháp luật về đầu tư dưới hình thức:

a) Thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần góp vốn, trong đó phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 51% vốn điều lệ;

b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

2. Nhà văn hóa, các tụ điểm chiếu phim, câu lạc bộ và hiệp hội chiếu phim công cộng, đội chiếu phim lưu động của Việt Nam không được phép tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hay liên doanh với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

Điều 9. Những nội dung và hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh

1. Nghiêm cấm hoạt động điện ảnh có nội dung sau đây:

a) Vi phạm Hiến pháp, pháp luật; kích động chống đối hoặc phá hoại việc thi hành Hiến pháp, pháp luật;

b) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; gây tổn hại đến các giá trị văn hóa, lợi ích quốc gia, dân tộc Việt Nam; xúc phạm Quốc kỳ, Đảng kỳ, Quốc huy, Quốc ca;

c) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù, kì thị giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng phản động, tệ nạn xã hội; phá hoại văn hóa, đạo đức xã hội;

d) Truyền bá, ủng hộ chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa cực đoan;

đ) Kích động, xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo; tuyên truyền, cổ súy cho các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo bất hợp pháp;

e) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật;

g) Xuyên tạc lịch sử dân tộc, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; thể hiện không đúng, xâm phạm chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

h) Kích động bạo lực, hành vi tội ác bằng việc thể hiện chi tiết cách thức thực hiện, hình ảnh, âm thanh, lời thoại, cảnh đánh đập, tra tấn, giết người dã man, tàn bạo và những hành vi khác xúc phạm đến nhân phẩm con người; trù trường hợp thể hiện các nội dung đó để phê phán, tố cáo, lên án tội ác, đề cao chính nghĩa, tôn vinh giá trị truyền thống, văn hóa;

i) Thể hiện chi tiết hình ảnh, âm thanh, lời thoại dâm ô, trụy lạc, loạn luân;

k) Vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, người chưa thành niên;

l) Vi phạm nguyên tắc bình đẳng giới, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới.

2. Nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây:

a) Phát hành, phổ biến phim trên hệ thống rạp chiếu phim, trên hệ thống truyền hình và địa điểm chiếu phim công cộng mà không có Giấy phép phân loại phim của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh (sau đây gọi là Giấy phép phân loại phim) hoặc chưa được biên tập, cấp Quyết định phát sóng của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động truyền hình (sau đây gọi là Quyết định phát sóng);

b) Phổ biến phim trên không gian mạng mà không tự phân loại, hiển thị kết quả phân loại theo quy định của Luật này;

c) Thay đổi, làm sai lệch nội dung phim và kết quả phân loại phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

d) Sản xuất, phát hành, phổ biến phim, lưu chiếu, lưu trữ phim không tuân thủ các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Phát hành, phổ biến phim đã có quyết định thu hồi Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

e) Sao chép phim khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu phim;

g) Không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng;

h) Thẩm định, cấp giấy phép phân loại phim trái quy định của pháp luật.

Chương II

SẢN XUẤT PHIM

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh sản xuất phim:

- a) Sản xuất, hợp tác sản xuất phim; cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- b) Tham gia sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước;
- c) Tham gia các liên hoan phim; giải thưởng và cuộc thi phim; chương trình phim, tuần phim.

2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim:

- a) Thực hiện đúng nội dung đã đăng ký kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt;
- b) Thực hiện nội dung văn bản thẩm định kịch bản đối với phim sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước;
- c) Tuân thủ các quy định của Luật này và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, y tế và phòng, chống cháy nổ, bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất phim.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên và thành viên khác trong đoàn làm phim

1. Quyền của nhà sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên và thành viên khác trong đoàn làm phim:

- a) Quyền sáng tạo nghệ thuật trong khuôn khổ của pháp luật;
- b) Hưởng quyền tác giả và quyền liên quan theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- c) Được bảo vệ khi các quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến hoạt động điện ảnh bị xâm phạm.

2. Nghĩa vụ của nhà sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên và các thành viên khác trong đoàn làm phim:

- a) Tuân thủ quy định tại Điều 9 của Luật này;
- b) Thực hiện hợp đồng với cơ sở sản xuất phim trên cơ sở thỏa thuận và không trái với quy định của pháp luật;
- c) Tuân thủ pháp luật, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật.

Điều 12. Trường quay

Trường quay được tổ chức để thực hiện các hoạt động sau:

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoặc hợp tác liên doanh, liên kết sản xuất phim, cung cấp các dịch vụ làm phim, kỹ thuật, bối cảnh, đạo cụ, phục trang;
2. Tổ chức sự kiện, các hoạt động tham quan, du lịch về điện ảnh tại trường quay và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam phải bảo đảm:

- a) Có văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ với cơ sở điện ảnh của Việt Nam;
- b) Các phim sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam không vi phạm Điều 9 của Luật này.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;
- b) PA1: Kịch bản tóm tắt phim và kịch bản chi tiết nội dung quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam bằng tiếng Việt;
PA2: Kịch bản phim bằng tiếng Việt;
- c) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài;
- d) Cam kết của tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam không vi phạm Điều 9 của Luật này.

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh cho tổ chức, cá nhân nước ngoài như sau:

- a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam hoặc cơ sở điện ảnh của Việt Nam cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp Giấy phép. Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp kịch bản phải sửa nội dung do vi phạm Điều 9 của Luật này và quy định khác của pháp luật Việt Nam hoặc hồ sơ xin cấp phép phải sửa đổi, bổ sung thông tin, trong 30 ngày kể từ ngày nhận được kịch bản đã sửa nội dung hoặc

hồ sơ đã sửa đổi, bổ sung đầy đủ thông tin theo yêu cầu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp Giấy phép.

4. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này sau khi đã được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc cơ sở điện ảnh Việt Nam phải thực hiện đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định tại khoản 3 Điều này. Nếu thay đổi nội dung quy định tại điểm a, c khoản 2, thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp Giấy phép.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam trong những trường hợp sau:

- a) Vi phạm Điều 9 Luật này trong quá trình sản xuất phim;
- b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có sai phạm;
- c) Không thực hiện đúng nội dung Giấy phép.

6. Việc sử dụng dịch vụ cung cấp phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, nhân lực và các dịch vụ liên quan đến sản xuất phim tại Việt Nam thực hiện theo hợp đồng, văn bản thỏa thuận giữa các bên.

Điều 14. Sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước

1. Sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước để phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà nước quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5, được thực hiện bằng hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

2. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp ở trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

3. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước phải:

- a) Thực hiện quy trình lựa chọn dự án sản xuất phim;
- b) Thành lập Hội đồng thẩm định kịch bản, Hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước được huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện.

5. Quyền sở hữu phim, quyền sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan đối với phim sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, điểm a khoản 3 Điều này.

Chương III

PHÁT HÀNH PHIM

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phát hành phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh phát hành phim:
 - a) Phát hành phim tại Việt Nam và nước ngoài;
 - b) Trao đổi phim, mua, bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu phim để phát hành phim.
2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phát hành phim:
 - a) Phát hành phim theo đúng nội dung đã đăng ký kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt;
 - b) Bảo đảm phim phát hành tuân thủ các quy định của Luật này và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung phim phát hành.

Điều 16. Trao đổi, mua, bán, cho thuê phim

Tổ chức, cá nhân chỉ được trao đổi, mua, bán, cho thuê phim đã được phép phổ biến theo quy định của Luật này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Xuất khẩu phim, nhập khẩu phim

1. Phim xuất khẩu phải có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.
2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phim phải bảo đảm không vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này.
3. Người đứng đầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu phim chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung phim nhập khẩu để phổ biến phim; quản lý, sử dụng phim phục vụ hoạt động nghiên cứu, giáo dục, lưu trữ và lưu hành nội bộ.
4. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia xuất khẩu phim.

Chương IV

PHỔ BIẾN PHIM

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh phổ biến phim:
 - a) Phổ biến phim theo đăng ký kinh doanh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt;
 - b) Thực hiện quảng cáo về phim và các dịch vụ khác phục vụ người xem phim theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim:

a) Chỉ được phổ biến phim có Giấy phép phân loại phim hoặc được biên tập, cấp Quyết định phát sóng, trừ trường hợp quy định tại Điều 21 của Luật này;

b) Bảo đảm các điều kiện để phổ biến phim đối với từng hình thức phổ biến;

c) Thực hiện hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Dừng việc phổ biến phim khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi vi phạm các quy định của Luật này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Điều 19. Phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim

1. Cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có rạp chiếu phim bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong hệ thống rạp có quyền:

a) Từ chối đối với người xem trong trường hợp sử dụng chất cấm, chất kích thích; mang vũ khí, vật liệu gây cháy, nổ, chất phóng xạ, chất độc hại vào rạp chiếu phim;

b) Ngăn chặn việc sao chép, ghi âm, ghi hình phim trái pháp luật; yêu cầu cá nhân vi phạm rời khỏi rạp chiếu phim, xem xét kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý cá nhân vi phạm khoản 2 Điều này.

3. Cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong hệ thống rạp phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này và các quy định sau đây:

a) Bảo đảm tỷ lệ suất chiếu phim Việt Nam, giờ chiếu phim Việt Nam, thời lượng và giờ chiếu phim cho trẻ em;

b) Bảo đảm người xem phim đúng độ tuổi theo phân loại phim;

c) Miễn, giảm giá vé cho người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, trẻ em, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác;

d) Thực hiện kết nối dữ liệu, chế độ báo cáo tình hình hoạt động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Khuyến khích cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim phổ biến phim tuyên truyền chính sách, pháp luật của Nhà nước trước buổi chiếu.

5. Chính phủ quy định chi tiết điểm a, điểm c khoản 3 Điều này

Điều 20. Phổ biến phim trên hệ thống truyền hình

1. Cơ quan báo chí được phép phổ biến phim trên hệ thống truyền hình phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có giấy phép hoạt động truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí;
- b) Có Quyết định phát sóng để phổ biến phim trên hệ thống truyền hình Việt Nam hoặc để phê duyệt biên tập đối với phim phổ biến trên gói dịch vụ truyền hình theo yêu cầu, trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu trên không gian mạng.

2. Cơ quan báo chí quy định tại khoản 1 Điều này phổ biến phim trên hệ thống truyền hình phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này và phải bảo đảm tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam so với phim nước ngoài, giờ phát sóng phim Việt Nam, thời lượng và khung giờ phát sóng phim cho trẻ em trên các kênh truyền hình trong nước theo quy định của Chính phủ.

3. Việc cấp và thu hồi Quyết định phát sóng để phổ biến phim trên hệ thống truyền hình Việt Nam, trên gói dịch vụ truyền hình theo yêu cầu, trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu trên không gian mạng do người đứng đầu cơ quan báo chí cấp giấy phép hoạt động truyền hình quyết định.

4. Khuyến khích phổ biến phim Việt Nam sản xuất sử dụng ngân sách nhà nước, phim do tổ chức, cá nhân tài trợ, hiến, tặng.

Điều 21. Phổ biến phim trên không gian mạng

1. Chủ thể được phổ biến phim trên không gian mạng là cơ sở điện ảnh phổ biến phim.

2. Chủ thể phổ biến phim trên không gian mạng phải bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm c, điểm d, khoản 2 Điều 18 của Luật này và các quy định sau đây:

a) Không được phổ biến phim vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Thực hiện tự phân loại phim trước khi phổ biến phim theo quy định tại Điều 32 của Luật này hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền phân loại đối với phim chưa được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 27 Luật này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả tự phân loại phim;

c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để cha, mẹ, hoặc người giám hộ của trẻ em tự kiểm soát, quản lý, bảo đảm trẻ em xem phim được phổ biến trên không gian mạng phù hợp với độ tuổi xem phim được quy định tại Điều 32 của Luật này;

d) Cung cấp đầu mối, thông tin liên hệ để tiếp nhận, xử lý các yêu cầu của cơ quan lý nhà nước; các phản ánh, khiếu nại, tố cáo của người sử dụng dịch vụ;

đ) Gỡ bỏ phim vi phạm Điều 9 của Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tổ chức, doanh nghiệp có mạng viễn thông, nền tảng truyền thông số để phổ biến phim tại Việt Nam có trách nhiệm ngăn chặn phim vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phổ biến phim trên không gian mạng vào Việt Nam phải bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức nhân lực, phương tiện kỹ thuật để thực hiện việc kiểm tra nội dung phim phổ biến trên không gian mạng; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện các biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm quy định của pháp luật.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 22. Phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng

1. Tổ chức phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội; môi trường; y tế; phòng, chống cháy nổ và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Cung cấp danh mục phim chiếu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nơi tổ chức đăng ký kinh doanh.

2. Tổ chức phổ biến phim tại địa điểm công cộng phải thông báo bằng văn bản về nội dung, chương trình chiếu phim cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nhận được thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì tổ chức phổ biến phim được phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tại địa phương không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng địa điểm chiếu phim công cộng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này và các quy định sau đây:

a) Tuân thủ quy định về hoạt động kinh doanh, điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Thay đổi thời gian, quy mô chiếu phim công cộng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Khuyến khích các tổ chức phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng phổ biến phim tuyên truyền chính sách, pháp luật của Nhà nước trước buổi chiếu.

Điều 23. Phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn

1. Phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn là hoạt động thường xuyên hàng

năm theo kế hoạch được chính quyền địa phương quyết định và đầu tư thiết bị phổ biến phim, phương tiện vận chuyển phù hợp với thực tế của từng địa phương.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi phí tổ chức phổ biến phim ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm tối thiểu 50% chi phí tổ chức phổ biến phim ở vùng nông thôn.

3. Khuyến khích cơ sở điện ảnh tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin cung cấp phim để phổ biến phim ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn.

Điều 24. Phổ biến phim tại trụ sở của cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập tại Việt Nam

Việc phổ biến phim tại trụ sở của cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập tại Việt Nam cho đối tượng không phải là cán bộ, nhân viên của tổ chức đó phải bảo đảm quy định sau đây:

1. Thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18 và Điều 22 của Luật này.

Điều 25. Quảng cáo phim

Việc quảng cáo phim được quy định như sau:

1. Tổ chức, cá nhân được quảng cáo phim thông qua đoạn giới thiệu phim hoặc các thông tin liên quan đến bộ phim trước, trong quá trình sản xuất, phát hành và phổ biến phim theo quy định của pháp luật về quảng cáo và không được vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này.
2. Tổ chức, cá nhân không được chiếu toàn bộ nội dung phim để quảng cáo khi chưa có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

Điều 26. Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong phim

Việc quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong phim được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 27. Cấp Giấy phép phân loại phim

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép phân loại phim phổ biến trong hệ thống rạp chiếu phim và địa điểm chiếu phim công cộng trên phạm vi toàn quốc.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép phân loại phim trong hệ thống rạp chiếu phim và địa điểm chiếu phim công cộng phổ biến trên địa bàn quản lý.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Bản sao văn bản chứng minh quyền sở hữu phim hoặc quyền sử dụng phim hợp pháp;

c) Bản phim hoàn chỉnh;

d) Bản thuyết minh phim bằng tiếng Việt đối với phim nước ngoài.

4. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin cấp Giấy phép phân loại phim nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia 01 bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm cấp Giấy phép phân loại phim theo mẫu của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp phim phải điều chỉnh nội dung hoặc hồ sơ phải bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều này, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản phim đã điều chỉnh nội dung, 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đã bổ sung đầy đủ thông tin theo yêu cầu, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép.

Điều 28. Thay đổi nội dung phim và các thông tin khác trong Giấy phép phân loại phim

1. Trường hợp thay đổi nội dung phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim theo quy định tại Điều 27 của Luật này.

2. Trường hợp thay đổi tên phim hoặc thời hạn chiếu phim mà không thay đổi nội dung đã được cấp Giấy phép phân loại phim thì tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu không đồng ý, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép phân loại phim phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 29. Thu hồi Giấy phép phân loại phim

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép phân loại phim quy định tại Điều 27 của Luật này quyết định việc thu hồi Giấy phép phân loại phim trong những trường hợp sau:

a) Giấy phép phân loại phim được cấp không đúng quy định;

b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim có sai phạm.

2. Cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim, cơ sở phát hành phim, phổ biến phim bị thu hồi Giấy phép phân loại phim có trách nhiệm khắc phục vi phạm tại khoản 1 Điều này do mình gây ra.

Việc tiếp tục đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật này.

Điều 30. Dừng phổ biến phim

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định dừng phổ biến phim là cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim, tiếp nhận thông báo hoặc cơ quan thanh tra theo quy định của Chính phủ.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định dừng phổ biến phim bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, thời điểm, thời hạn dừng phổ biến phim đối với một trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này;
- b) Không thông báo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 của Luật này;
- c) Vì lý do quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp.

3. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu tiếp tục phổ biến phim, có văn bản đề xuất việc tiếp tục phổ biến phim gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất việc tiếp tục phổ biến phim, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân xin tiếp tục phổ biến phim để thực hiện.

4. Tổ chức, cá nhân bị dừng phổ biến phim phải công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc dừng phổ biến phim và chịu trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Hội đồng thẩm định và phân loại phim

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định và phân loại phim được quy định như sau:

- a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng thẩm định và phân loại phim của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và phân loại phim của tỉnh, thành phố;
- c) Người đứng đầu cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động truyền hình thành lập Hội đồng thẩm định và phân loại phim của cơ quan báo chí.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định và phân loại phim. Thành phần của Hội đồng thẩm định và phân loại phim gồm nhà chuyên môn điện ảnh, chuyên gia, nhà quản lý thuộc các lĩnh vực liên quan.

3. Hội đồng thẩm định và phân loại phim có trách nhiệm tư vấn cho cơ quan có thẩm quyền trước khi cấp Giấy phép phân loại phim, Quyết định phát sóng.

Điều 32. Phân loại phim

1. Phim được phân loại theo nội dung để phổ biến phù hợp với độ tuổi như sau:

- a) Loại P: Phim được phép phổ biến đến người xem ở mọi độ tuổi;
- b) Loại T18 (18+): Phim được phổ biến đến người xem từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Loại T16 (16+): Phim được phổ biến đến người xem từ đủ 16 tuổi trở lên;
- d) Loại T13 (13+): Phim được phổ biến đến người xem từ đủ 13 tuổi trở lên;
- đ) Loại K: Phim được phổ biến đến người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ;
- e) Loại C: Phim không được phép phổ biến.

2. Tiêu chí phân loại phim do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Chương V

LƯU CHIẾU, LƯU TRỮ PHIM

Điều 33. Lưu chiếu phim

1. Cơ sở điện ảnh có phim được cấp Giấy phép phân loại phim theo quy định phải nộp lưu chiếu một bản phim cho cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim. Đối với phim Việt Nam có sử dụng ngân sách nhà nước phải nộp kịch bản và tài liệu kèm theo phim.

2. Thời hạn lưu chiếu phim Việt Nam là 12 tháng, kể từ ngày phim được cấp Giấy phép phân loại phim; thời hạn lưu chiếu phim nhập khẩu theo quy định trong Giấy phép phân loại phim.

3. Hết thời hạn lưu chiếu, cơ quan nhận lưu chiếu có trách nhiệm:

a) Chuyển bản phim lưu chiếu không khóa mã, kịch bản và tài liệu kèm theo phim cho cơ sở lưu trữ phim đối với phim Việt Nam sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước;

b) Chuyển bản phim lưu chiếu cho cơ sở lưu trữ phim đối với phim Việt Nam không sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước;

c) Trả lại bản phim lưu chiếu cho cơ sở nộp lưu chiếu đối với phim nhập khẩu.

4. Cơ sở điện ảnh phải mở mã khóa phim để đối chiếu, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim.

Điều 34. Lưu trữ phim

1. Cơ sở lưu trữ phim thuộc cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch có trách nhiệm lưu trữ phim Việt Nam đã được cấp Giấy phép phân loại phim.
2. Cơ sở lưu trữ phim thuộc cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động truyền hình có trách nhiệm lưu trữ phim của cơ quan đơn vị.
3. Cơ sở lưu trữ phim thuộc bộ, ngành lưu trữ phim lưu hành nội bộ; cơ quan nghiên cứu khoa học lưu trữ phim của cơ quan đơn vị.

Điều 35. Quyền và trách nhiệm của cơ sở lưu trữ phim

1. Lưu trữ, cung cấp lại bản sao, in trích tư liệu cho chủ sở hữu phim và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động bảo quản, lưu trữ, phục hồi phim; khai thác phim theo thỏa thuận với chủ sở hữu phim.
3. Mua, nhận chuyển giao phim có giá trị từ trong nước và nước ngoài để phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.
4. Làm dịch vụ lưu trữ; bán, cho thuê, phổ biến phim lưu trữ theo thỏa thuận với chủ sở hữu phim.
5. Bảo đảm an toàn bản phim, kịch bản và tài liệu kèm theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.
6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo đảm quyền tác giả, quyền liên quan đối với phim lưu trữ tại cơ sở.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phim trong hoạt động lưu chiếu, lưu trữ

1. Được cơ sở lưu trữ phim bảo đảm an toàn bản phim, các tư liệu, tài liệu kèm theo phim và quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.
2. Quyết định việc bán, cho thuê, phổ biến, sử dụng dịch vụ đối với phim lưu trữ.
3. Nộp lưu chiếu phim theo quy định của Luật này.
4. Mở khóa mã phim để đối chiếu, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương VI

QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH;

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Mục 1

QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Điều 37. Nội dung quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh

1. Quảng bá phim Việt Nam, môi trường hoạt động điện ảnh, hệ sinh thái sản xuất phim, bản sắc văn hóa, đất nước, con người Việt Nam.

2. Xây dựng, quảng bá thương hiệu điện ảnh quốc gia, vùng, địa phương, doanh nghiệp; nghiên cứu, phát triển thị trường điện ảnh trong nước và nước ngoài.

3. Tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về điện ảnh, góp phần bảo đảm môi trường hoạt động điện ảnh an toàn, lành mạnh và văn minh.

4. Vận động, tìm kiếm cơ hội, huy động nguồn lực đầu tư phát triển điện ảnh; đa dạng hóa thể loại phim và nâng cao chất lượng phim Việt Nam.

Điều 38. Liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam

1. Các cơ quan Nhà nước ở Trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam theo quy định sau:

- a) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm về việc tổ chức;
- b) Phim phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép phân loại phim, Quyết định phát sóng theo quy định của Luật này.

c) Thông báo kết quả tổ chức cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Cơ quan, tổ chức Việt Nam không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này khi tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam phải liên kết với các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này hoặc phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép.

3. Các tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài, cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài khi tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì tổ chức Liên hoan phim Việt Nam và Liên hoan phim quốc tế Hà Nội theo định kỳ.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này theo quy định sau:

- a) Cơ quan, tổ chức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim và cuộc thi phim bao gồm: Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; Đề án nêu rõ mục đích, ý nghĩa và tiêu chí, nội dung, cơ cấu tổ chức, kinh phí, phân công nhiệm

vụ và tổ chức thực hiện; Điều lệ nêu rõ đối tượng tham dự, cơ cấu giải thưởng và thành phần ban giám khảo.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức chương trình phim và tuần phim bao gồm: Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; Danh mục phim tham gia chương trình phim, tuần phim; Bản sao Giấy phép phân loại phim.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp Giấy phép tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ phải điều chỉnh nội dung hoặc bổ sung thông tin theo yêu cầu, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung hoặc bổ sung thông tin, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp Giấy phép.

6. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 5 Điều này sau khi được cấp Giấy phép, cơ quan, tổ chức phải thực hiện đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định tại khoản 5 Điều này. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp Giấy phép.

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc thu hồi Giấy phép trong những trường hợp sau:

- a) Vi phạm Điều 9 Luật này trong quá trình tổ chức;
- b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có sai phạm;
- c) Không thực hiện đúng nội dung Giấy phép.

Điều 39. Tổ chức Chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài theo kế hoạch.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài được quy định như sau:

a) Cơ quan, tổ chức thực hiện chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài thông báo bằng văn bản cho cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại hoặc địa bàn kiêm nhiệm về nội dung, kế hoạch tổ chức ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày tổ chức;

b) Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại hoặc địa bàn kiêm nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài và thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong trường hợp phát hiện thấy nội dung không phù hợp.

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về việc tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài.

Điều 40. Phim tham gia liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam và nước ngoài

1. Phim tham gia liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam và nước ngoài là phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

2. Trường hợp thể lệ liên hoan phim, giải thưởng điện ảnh quốc tế quy định phim tham gia là phim đại diện quốc gia thì Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tuyển chọn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 41. Chế độ ưu đãi đối với tổ chức nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam

Tổ chức nước ngoài làm phim sử dụng bối cảnh quay tại Việt Nam, các dịch vụ sản xuất phim do tổ chức của Việt Nam cung cấp được ưu đãi về thuế bao gồm giảm thuế, khấu trừ thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế dựa trên chi phí của đoàn làm phim tại Việt Nam.

Mục 2

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

- PA1: giữ quy định Mục 2 Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh tại dự thảo Luật

Điều 42. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ, được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước; có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 43. Mục đích của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Hỗ trợ cho dự án sản xuất phim thể nghiệm, phim đầu tay, phim của tác giả trẻ.
2. Hỗ trợ cho tác giả, dự án, phim Việt Nam xuất sắc tham gia liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, hội chợ phim, chương trình phim, tuần phim tại nước ngoài.

3. Cho vay để thực hiện dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ hiện đại trong hoạt động điện ảnh.

4. Hỗ trợ các không gian sáng tạo về điện ảnh.

5. Hỗ trợ các hoạt động khác để phát triển nghệ thuật điện ảnh đương đại.

Điều 44. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Không vì mục đích lợi nhuận; bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý.

2. Thực hiện thu, chi, quyết toán, công khai tài chính, tài sản và công tác kế toán theo quy định của pháp luật.

3. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và kiểm toán nhà nước về các hoạt động tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật, không trùng lặp với nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động sự nghiệp điện ảnh. Quỹ không hỗ trợ các dự án sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước.

5. Số dư kinh phí năm trước của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

- PA2: Bỏ Mục 2 Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh (gồm 3 điều 42, 43, 44) ra khỏi dự thảo Luật.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐIỆN ẢNH

Điều 45. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện ảnh.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh và có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về điện ảnh, chiến lược, kế hoạch phát triển điện ảnh;

b) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về điện ảnh;

c) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động điện ảnh; hệ thống chỉ tiêu thống kê, cơ sở dữ liệu ngành điện ảnh;

d) Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nhân lực hoạt động điện ảnh;

đ) Hợp tác quốc tế trong hoạt động điện ảnh; quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh ở trong nước và nước ngoài;

e) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động điện ảnh;

g) Cấp, thu hồi giấy phép trong hoạt động điện ảnh;

h) Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động điện ảnh;

i) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động điện ảnh theo thẩm quyền.

Điều 46. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh.

Điều 47. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh tại địa phương; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ tại các địa điểm tổ chức sản xuất, phát hành và phổ biến phim.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng, ban hành, thực hiện kế hoạch phát triển điện ảnh phù hợp với thực tế tại địa phương;

b) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ, thu hút nhằm tạo điều kiện phát triển điện ảnh tại địa phương;

c) Đầu tư phát triển điện ảnh; xây dựng, kiện toàn và củng cố hoạt động phát hành và phổ biến phim tại địa phương;

d) Tiếp nhận thông báo và trả lời thông báo đối với việc phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng trong phạm vi quản lý;

đ) Cấp, thu hồi Giấy phép phân loại phim, dừng phổ biến phim theo quy định tại các Điều 27, Điều 29 và Điều 30 của Luật này;

e) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực điện ảnh trên địa bàn quản lý.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan

Sửa đổi, bổ sung mục 192 thuộc Phụ lục IV - Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 như sau:

192	Kinh doanh dịch vụ phổ biến phim
-----	----------------------------------

Điều 49. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy phép phổ biến phim, Quyết định phát sóng được cấp theo quy định của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi,

bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 được tiếp tục thực hiện theo quy định trong Giấy phép phổ biến phim, Quyết định phát sóng.

2. Phim đã được cấp Giấy phép phổ biến phim hoặc Quyết định phát sóng chưa thực hiện cảnh báo và hiển thị mức phân loại phim đến người xem theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải bổ sung cảnh báo và hiển thị mức phân loại phim đến người xem theo quy định.

Điều 50. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng 6 năm 2022.
